

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 3945/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chung đô thị Phố Đầm,
huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 5327/SXD-QH ngày 28 tháng 9 năm 2017 về việc quy hoạch chung đô thị Phố Đầm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung đô thị Phố Đầm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô

Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc địa giới hành chính của xã Xuân Thiên và một phần xã Xuân Lam, với tổng diện tích khoảng là 837 ha, trong đó xã Xuân Thiên có diện tích khoảng 801,76 ha, phần thuộc xã Xuân Lam có diện tích khoảng 35,24 ha. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Kiên Thọ huyện Ngọc Lặc;
- Phía Nam giáp xã Thọ Diên;
- Phía Tây giáp xã Xuân Lam;
- Phía Đông giáp xã Thọ Minh.

2. Tính chất, chức năng:

Là đô thị vệ tinh của đô thị Lam Sơn Sao Vàng; có chức năng chính là dịch vụ, du lịch sinh thái, bảo tồn khai thác giá trị của Phố Đầm và cảnh quan ven sông Chu.

3. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng 11.253 người;
- Dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 13.000 người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

a) Chỉ tiêu đất đất xây dựng đô thị 120 -:- 140 m²/người, trong đó:

- Công trình công cộng: ≥ 7 m²/người
- Cây xanh: ≥ 7 m²/người
- Đất giao thông: 15 -:- 25%

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu điện năng: 200 KWh/người.năm
- Cấp nước sinh hoạt: 100 lít/ người- ngày đêm
- Chất thải rắn: 0.8kg/ng/ngđ
- Thu gom xử lý: 90% chất thải

5. Cơ cấu sử dụng đất

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	837,00	100,00
A	Đất xây dựng đô thị	593,40	70,90
1	Đất dân dụng	358,41	42,82
1.1	Đất ở đô thị	103,56	12,37
1.2	Đất công trình công cộng	56,07	6,70
1.3	Đất thể dục thể thao	3,84	0,46
1.4	Đất cây xanh - mặt nước	55,89	6,68
1.5	Đất giao thông	139,05	16,61
2	Đất ngoài dân dụng	234,99	28,08
2.1	Đất tôn giáo - Tín ngưỡng	0,43	0,05
2.2	Đất an ninh quốc phòng	1,04	0,12

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.3	Đất du lịch	160,34	19,16
2.4	Đất dự trữ phát triển tiểu thủ công nghiệp	60,21	7,19
2.5	Đất nghĩa trang	12,97	1,55
B	Đất khác	243,60	29,10
1	Đất nông nghiệp	209,21	25,00
2	Đất cây xanh sinh thái	34,39	4,11

6. Định hướng tổ chức không gian:

a) Khoanh vùng bảo tồn khu phố cổ:

Bảo tồn và phát huy khu vực phố cổ, việc chỉnh trang cải tạo phải đặc biệt lưu ý và nghiên cứu kỹ lưỡng, không làm thay đổi cấu trúc cơ bản của khu phố cổ, trên cơ sở đồng thuận của cư dân sở tại. Tham khảo các mô hình thành công như phố cổ Hội An để bảo tồn và phát huy di sản hiện có. Giữ gìn nguyên vẹn và lâu dài Khu phố cổ như một thiết chế lịch sử - văn hoá - nhân văn - kiến trúc đồng bộ, bao gồm các di tích cấu thành trên cơ sở phải vừa đáp ứng được nhu cầu cuộc sống hiện đại của cộng đồng dân cư theo nguyên tắc cùng tồn tại. Bảo tồn Khu phố cổ phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái - nhân văn xung quanh, gắn liền giữa bảo tồn di sản văn hoá vật thể với văn hoá phi vật thể. Bảo tồn Khu phố cổ không chỉ nhằm bảo vệ, phát huy bản sắc văn hoá mà còn nhằm khai thác, phát huy những thế mạnh, kinh nghiệm truyền thống cho mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương. Việc phát huy, khai thác, tái sử dụng di tích phải gắn với mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá; không vì phát triển kinh tế du lịch mà làm tổn hại đến di sản văn hoá. Về việc lập và thực hiện quy chế quản lý phố cổ, tham khảo áp dụng mô hình và quy chế quản lý phố cổ Hội An, ban hành kèm theo Quyết định số 2337/QĐ-UB ngày 10/11/2006 của UBND thị xã Hội An.

b) Định hướng cấu trúc phát triển đất du lịch mới:

Xác định khu vực ven sông ở trung tâm, sát với khu phố cổ là trọng tâm phát triển du lịch mới. Định hướng phát triển thành trung tâm du lịch, với những khách sạn, nhà hàng, công trình công cộng, công trình điểm nhấn thu hút khách du lịch. Phát triển vùng đất phía bắc dọc sông Chu và suối Thiên thành đất phát triển bất động sản du lịch, biệt thự, resort, kết hợp với mô hình thực phẩm, rau cỏ an toàn, hoa cây cảnh phục vụ đô thị sau này.

c) Định hướng phát triển khu đô thị mới:

Phát triển các khu đô thị mở rộng chủ yếu ở phía bắc và đông bắc khu đô thị hiện hữu, kết hợp với những không gian công viên, cây xanh, những tiện ích cộng đồng, bãi đỗ xe v.v. Ngoài những khu vực chính nói trên, dọc theo trục giữa hướng tây bắc đông nam bố trí những cụm công trình, dịch vụ làm kết nối giữa khu vực đô thị phía nam với vành đai du lịch sinh thái ven sông phía bắc. Dự trữ đất phát triển kho bãi, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ đô thị. Khu vực tiếp giáp khu dân cư phía Đông Nam tuyến đường chính theo quy hoạch sử dụng để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hoặc làm kho bãi.

d) Bảo tồn khu vực ruộng lúa:

Một phần lớn khu vực ruộng lúa phía bắc khu đô thị hiện hữu được xác định là khu vực bảo tồn đất lúa.. Khu vực ruộng lúa này vừa là cảnh quan, vừa là khoảng không gian cách ly giữa vùng đô thị ồn ào, đông đúc phía nam với vùng du lịch sinh thái phía bắc.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa:

a) San nền:

*Nguyên tắc thiết kế: Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên. Quy hoạch chiều cao nền phải đảm bảo nguyên tắc thuận lợi cho thoát nước mặt, không bị ngập úng và với khối lượng đào đắp là ít nhất. Cao độ các nút giao thông chính và hướng dốc được xác định phù hợp với cao độ san nền và định hướng thoát nước của đô thị. Cao độ nút các nút giao thông nội bộ xác định phù hợp với cao độ các nút giao thông chính và mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.

* Giải pháp nền: Lựa chọn giải pháp chống ngập lụt cho đô thị là tôn nền xây dựng kết hợp với gia cố, kè sông suối. Đối với khu vực xây dựng khu đô thị mới, tiến hành tôn nền đến cao độ xây dựng tối thiểu là 13,00m. Đối với những khu vực tiếp giáp với khu dân cư được tôn nền đến cao độ đã xây dựng ổn định thì cần đảm bảo sự chuyển tiếp giữa nền khu đất xây dựng cũ và nền khu đô thị mới xây dựng. Trong từng ô đất giới hạn bởi các đường giao thông, hướng san nền bám theo địa hình tự nhiên đảm bảo khối lượng đào đắp thấp nhất, đáp ứng các điều kiện xây dựng của đô thị.

b) Thoát nước mưa:

Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đổ theo các kênh về sông Chu phía Đông Nam khu vực nghiên cứu và một phần về suối Thiên phía Tây Bắc. Toàn bộ đô thị được chia thành 2 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Toàn bộ khu vực phía Tây Bắc khu vực nghiên cứu, từ tuyến đường 22m thoát nước theo kênh tiêu nước rồi đổ về suối Thiên.

- Lưu vực 2: Toàn bộ khu vực phía Đông Nam khu vực nghiên cứu, từ tuyến đường 22m thoát nước theo kênh tiêu nước đổ về sông Chu.

Mạng lưới thoát nước mưa khu vực nghiên cứu là mạng lưới thoát nước riêng tự chảy. Đối với khu vực dân cư hiện trạng: tận dụng của hệ thống tiêu thoát nước mưa hiện trạng, tuy nhiên có điều chỉnh để phù hợp với quy hoạch mới. Đối với khu vực quy hoạch mới: Xây dựng mới các tuyến cống tròn BTCT. Trên cơ sở quy hoạch san nền, xây dựng tuyến cống tròn BTCT kích thước D800-1200mm trên trục đường thoát nước chính của đô thị, kết hợp với mạng lưới thoát nước hiện trạng, đảm bảo không bị ngập lụt khi san lấp.

7.2. Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

Mạng lưới giao thông nội bộ của đô thị Phố Đàm được xây dựng trên cơ sở các tuyến đường chính khu vực và mạng lưới đường hiện trạng cũng như định hướng phát triển không gian theo quy hoạch chung.

a) Mạng lưới đường khu vực xây mới:

+ Đường chính khu vực (Mặt cắt 1-1): Quy mô 22,0m gồm lòng đường rộng 13,0m; Hè đường mỗi bên rộng 4,5m.

+ Đường khu vực (Mặt cắt 2-2 và 3-3): Quy mô 17,5m gồm lòng đường rộng 7,5m; Hè đường mỗi bên rộng 5,0m.

b) Mạng lưới đường nội bộ:

- Mặt cắt 4-4: Bao gồm các tuyến đường xây mới chạy ven sông Mã và tuyến đường có chức năng như đường liên thôn chạy dọc khu vực dân cư hiện trạng, quy mô rộng 13,5m bao gồm lòng đường rộng 7,5m; Hè đường mỗi bên rộng 3,0m.

- Mặt cắt 5-5: Bao gồm các tuyến đường khu vực và phân khu vực, quy mô rộng 15,5m bao gồm lòng đường rộng 7,5m; Hè đường mỗi bên rộng 4,0m.

- Mặt cắt 6-6: Bao gồm các tuyến đường ngõ xóm cải tạo, có chức năng như đường phân khu vực, quy mô rộng 14,5m bao gồm lòng đường rộng 7,5m; Hè đường mỗi bên rộng 3,5m.

c) Bãi đỗ xe:

- Nguyên tắc bố trí: Đất ngoài dân dụng đô thị phải tự đảm bảo nhu cầu đỗ xe. Nhu cầu đỗ xe của các công trình nhà ở cao tầng, thấp tầng và công cộng chủ yếu tự cân đối tại các bãi đỗ xe, gara nằm trong khuôn viên các khu đất xây dựng công trình nên không tính vào chỉ tiêu đất giao thông. Các bãi đỗ xe tập trung (phục vụ nhu cầu vắng lai) được bố trí trong các khu đất công cộng, đất cây xanh, diện tích chiếm đất không quá 20% tổng diện tích khu đất.

- Lựa chọn vị trí bãi đỗ xe tập trung: Bán kính phục vụ trong phạm vi từ 400-500m. Tiếp giáp với các khu vực làng xóm hiện có, khu dân cư, những khu vực không tự đảm bảo được khả năng đỗ xe trong bản thân đất xây dựng công trình, tại bãi đỗ xe này có thể xây dựng thành các bãi đỗ xe nhiều tầng để nâng cao sức chứa và tiết kiệm đất đai. Bố trí bãi đỗ xe: với nguyên tắc như trên, bố trí bãi đỗ xe tập trung tại vị trí tiếp giáp khu dân cư hiện trạng và khu đô thị xây mới, quy mô khoảng 4000m².

7.3. Định hướng hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước: Xây mới nhà máy nước ngầm tại khu vực gần kênh tưới tiêu, phía Đông bắc khu vực: 3.000m³/ngày đêm.

- Cấp nước chữa cháy: Nước cứu hoả được lấy từ mạng lưới cấp nước sinh hoạt bằng các họng cứu hoả bố trí trên các tuyến ống chính với khoảng cách các họng cứu hoả từ 150m đến 200 m.

7.4. Định hướng quy hoạch cấp điện:

a) Nguồn cấp điện: Nguồn điện được lấy từ tuyến điện hiện có chạy theo trục đường liên xã. Tổng nhu cầu dùng điện toàn khu 132.00 KVA.

b) Lưới điện: Các tuyến dây trung thế được thiết kế theo tiêu chuẩn 22KV. Thiết kế các mạch vòng, vận hành hở, đảm bảo cấp điện linh hoạt liên tục. Trong các khu vực đô thị, các tuyến cấp trung thế sử dụng cáp ngầm XLPE-Cu hoặc cáp nhôm có đường truyền tải tương đương có tiết diện chung $\geq 240\text{mm}^2$. Các khu vực còn lại có thể đi trên không tiết diện đường trục từ 185mm² đến 240mm², đường nhánh từ 95mm² đến 120mm². Mạng lưới các tuyến cấp 22KV được thiết kế đảm bảo các trạm hạ thế 22/0,4V trong khu quy hoạch có bán kính phục vụ xa nhất không quá 300m.

c) Trạm biến thế: Phạm vi nghiên cứu của đề án chỉ dừng ở mức độ bố trí mạng lưới cấp điện đến các trạm biến thế 22/0,4KV. Mạng lưới hạ thế 0,4KV từ các trạm hạ thế đến các hộ tiêu thụ sẽ được xác định trong đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/2000 hoặc 1/500. Số lượng các trạm biến thế 22/0,4KV được xác định trên cơ sở nhu cầu của từng đơn vị ở, các khu vực trung tâm của khu nhà ở và khu đô thị, nhu cầu của từng xã và bán kính phục vụ (300-400 m đối với khu vực phát triển tập trung và 400-700m đối với khu vực phát triển phân tán). Số lượng trạm biến thế có thể thay đổi, tăng lên nếu công suất trạm nhỏ hoặc giảm xuống nếu công suất của trạm tăng. Khi có nhu cầu tăng thêm về phụ tải, hoặc sẽ xây dựng thêm trạm mới hoặc nâng công suất từ các trạm đã dự kiến xây dựng.

7.5. Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

a) Tổng nhu cầu thoát nước thải của đô thị là: QTNT \approx 1885m³/ngđ.

b) Giải pháp thoát nước thải: Xây mới nhà máy xử lý nước thải thu gom xử lý toàn bộ cho đô thị với công suất 2.000 m³/ngđ. Lựa chọn hệ thống thoát nước thải là hệ thống kết hợp theo đó:

- Đối với khu vực dân cư làng xóm hiện có sử dụng hệ thống nũa riêng. Về giải pháp thiết kế, sẽ xây dựng các tuyến cống bao thu gom nước mưa và nước thải từ khu vực làng xóm. Tại vị trí đầu nối tuyến cống bao với tuyến cống thoát nước thải sẽ xây dựng các ga tách nước thải.

- Đối với khu vực xây dựng mới sử dụng hệ thống cống riêng hoàn toàn.

- Nước thải của khu vực làng nghề xây dựng tập trung phải được xử lý bước 1 tại chỗ, sau khi đạt các tiêu chuẩn cho phép mới được xả vào hệ thống thoát nước thải chung của đô thị.

- Nước thải từ nhà ở, các công trình công cộng, cơ quan... phải được xử lý sơ bộ trước khi xả ra cống nhánh, từ đó dẫn ra các tuyến cống chính và đưa về trạm xử lý.

7.6. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thu gom, xử lý chất thải rắn:

- Đối với khu vực xây dựng nhà cao tầng: Có hệ thống thu gom chất thải rắn từ trên cao xuống bể rác cho từng đơn nguyên. Đối với khu vực xây dựng nhà thấp tầng: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và vận chuyển hàng ngày về các điểm tập kết rác cố định, sau đó xe chuyên dụng của cơ quan chức năng sẽ chuyên chở đến nơi xử lý chất thải rắn tập trung của khu vực.

- Rác thải công cộng: Đối với khu vực công trình công cộng, cơ quan, trường học... chất thải rắn được thu gom và vận chuyển thông qua hợp đồng trực tiếp với cơ quan chức năng.

- Nhà vệ sinh công cộng: Được xác định theo quy định về quản lý bùn cặn và nhà vệ sinh công cộng trong quy chuẩn xây dựng đô thị. Nước thải của các nhà vệ sinh công cộng được thu gom theo hệ thống thoát nước thải riêng và chất thải phải được xử lý tại chỗ đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định về quản lý chất thải rắn.

- Đối với khu vực nông thôn (theo quy hoạch nông thôn mới): Đối với khu vực nông thôn phân tán, rác thải được xử lý tại các hộ gia đình. Rác thải sinh hoạt và rác thải chăn nuôi được khuyến khích xử lý theo dạng bể bioga tại các gia đình, qua đó có thể vừa giải quyết được vấn đề rác thải vừa có thể thỏa mãn nhu cầu về năng lượng.

b) Nghĩa trang: Trong giai đoạn đầu, các nghĩa trang hiện trạng được khoanh vùng không phát triển. Các nghĩa trang này sẽ được tổ chức lại khang trang, sạch sẽ, tiết kiệm đất và phải có hành lang cây xanh cách ly, hệ thống xử lý kỹ thuật đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường (không được hung táng mới). Trong tương lai sẽ đưa về khu nghĩa trang tập trung của huyện.

8. Thiết kế đô thị:

a) Đối với khu vực phố cổ: Bảo tồn nguyên dạng cấu trúc đô thị hiện tại với mật độ, chiều cao, sự tiếp cận và tỉ lệ gần gũi.

b) Cấu trúc không gian xanh và cấu trúc phân bố công trình công cộng: Tạo các không gian xanh, kết nối với cấu trúc không gian xanh hiện có và bãi sông Chu, các công trình công cộng, thương mại dịch vụ bố trí theo các trục kết nối giữa cũ và mới. Hình thái đô thị không phải những trục trung tâm hoành tráng mà là sự kết nối giữa lịch sử và tương lai, cũ và mới, trên tất cả là kết nối giữa các không gian xanh với cấu trúc quan trọng nhất của khu vực là sông Chu.

c) Cấu trúc khu vực dân cư mới và khu trung tâm:

- Dạng cấu trúc 1 đề xuất cấu trúc lô phố dạng gần như truyền thống ở các đô thị tự phát cũng như các đô thị mới VN, với cấu trúc đường song song, tương đối gần nhau. Nhà cửa bám hai bên đường, úp lưng vào nhau. Mặt tiền các nhà tạo thành mạch phố tương đối liền. Phía sau có thể thò thụt, tạo khoảng hở để thông thoáng, lấy sáng, các vườn trong.

- Dạng cấu trúc thứ hai là những ô phố tương đối lớn, bên trong có vườn, không gian trống. Các công trình vây xung quanh, có thể hỗn hợp giữa nhà liền kề, biệt thự và xen kẽ chung cư nhỏ, nhà phố thương mại thành những tổ hợp đa dạng, thay đổi. Cấu trúc này cho phép tạo ra những không gian đô thị đa dạng, phức tạp và những công năng đô thị linh hoạt hơn, tuy nhiên cần có sự đầu tư mánh lớn hơn, tầm nhìn của nhà đầu tư dài hơn, do không thể chia nhỏ dự án thành những sản phẩm giống nhau như cấu trúc nói trên.

d) Khu vực phát triển du lịch ven bờ sông Chu, suối Thiên: Bảo tồn nghiêm ngặt các hình thái vùng bãi sông bán ngập, điểm nhấn đô thị là các vị trí công viên ven sông, suối.

- Đối với khu vực ven sông Chu: Các cấu trúc xây dựng chủ yếu tập trung ở khu vực đất cao, gần khu đô thị hiện hữu, rồi thưa dần ra phía lòng sông, xen lẫn cảnh quan. Cấu trúc được chia thành những dải cảnh quan mỏng, dài, dọc theo bờ sông. Mỗi dải cảnh quan có thể có tính chất, công năng khác nhau, tạo thành một chuỗi cảnh quan du lịch sinh động.

- Đối với khu vực suối Thiên: Phát triển du lịch sinh thái, resort mật độ thấp, đặc biệt là du lịch sinh thái nông nghiệp, kết hợp với mô hình thực phẩm, rau cỏ an toàn, hoa cây cảnh phục vụ đô thị sau này.

e) Trục chính thương mại đô thị: Trục này nằm giữa khu đô thị mới và cũ, tập trung các công trình công cộng, các công trình điểm nhấn quan trọng. Về cấu trúc đô thị của trục này, không khuyến khích nhà cao tầng. Nên giữ đồng đều khoảng 3-5 tầng. Các khối nhà tạo thành mặt tiền đô thị, dạng như nhà phố thương mại. Phía đằng sau các khối nhà có sân trong. Xen lẫn các khối nhà có các khoảng trống cây xanh, công viên, để tạo cảm giác thoáng đãng, không quá dày đặc. Về công năng, trục này có thể đa dạng công năng, từ nhà ở, nhà phố thương mại đến chung cư, văn phòng, siêu thị, trường học, bệnh viện, thư viện v.v.

9. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

9.1. Phân vùng bảo vệ môi trường:

Phân vùng bảo vệ môi trường rất quan trọng trong việc gìn giữ các giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học trong khu vực nghiên cứu cũng như kiểm soát để đảm bảo chúng không chịu tổn thương trong quá trình phát triển đô thị. Trên cơ sở đó cùng các yếu tố về môi trường khác, đề án đề xuất các phân vùng bảo vệ môi trường như sau:

- Vùng bảo vệ cảnh quan và môi trường khu vực sản xuất nông nghiệp.
- Vùng nghiêm cấm khai thác - bảo vệ các khu vực tôn giáo, di tích lịch sử và các vùng đệm di tích.
- Vùng bảo vệ môi trường đô thị (bao gồm đất ở đô thị và hạ tầng xã hội, tiện ích đô thị...).
- Vùng bảo vệ mặt nước đô thị.

9.2. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước mặt và nước ngầm:

Tạo hành lang bảo vệ sông hồ: đảm bảo chất lượng nguồn nước tưới tiêu và bảo vệ các công trình xung quanh các diện tích mặt lớn khỏi ảnh hưởng của ngập úng. Hạn chế việc khai thác trái phép nguồn nước ngầm quy mô lớn trong các hộ gia đình và các khu dân cư. Giới thiệu tới người dân những phương thức trữ và lọc nước mưa để sử dụng cho hoạt động sản xuất. Đối với tất cả các công trình xây dựng mới phải có bể tự hoại trước khi xả ra hệ thống thoát nước. Các công trình đã xây dựng buộc phải nối với hệ thống nước thải.

9.3. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí tiếng ồn:

Trồng cây xanh tại các khu đất trống quanh các khu vực đỗ xe và dọc các tuyến đường có mật độ phương tiện vận chuyển lớn.

9.4. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất:

Sử dụng đất một cách hợp lý quy hoạch sử dụng đất theo bản đồ thích nghi của từng khu vực; tận dụng khai thác quỹ đất xây dựng, hạn chế san gạt, thay đổi mặt phủ tự nhiên khi thực hiện quy hoạch. Đối với khu vực dân cư cần hướng dẫn nhân dân áp dụng các biện pháp sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu, phân bón hoá học, trong việc sản xuất nông, lâm nghiệp, giảm tối đa sự ô nhiễm gây ra với môi trường đất. Thu gom, phân loại và xử lý triệt để CTR phát sinh.

9.5. Y tế, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng:

- Về công tác y tế: Hoàn thiện dịch vụ phòng chữa bệnh, đặc biệt làm giảm các yếu tố nguy cơ từ môi trường sống liên quan tới bệnh tật xảy ra, nhất là các yếu tố do quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá không hoàn hảo.

- Về vệ sinh môi trường: Giải quyết cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, làm giảm các bệnh dịch, nhất là các bệnh do quá trình đô thị hoá gây ra. Đảm bảo 100% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh, không còn tình trạng xả thải trực tiếp ra nguồn. Cần chú ý vệ sinh đô thị, ngăn ngừa ô nhiễm không khí, tiếng ồn, tai nạn giao thông, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội...

9.6. Tăng cường giao lưu văn hóa xã hội, gắn kết cộng đồng:

Tạo các không gian công cộng (công viên, vườn hoa), công trình công cộng (nhà văn hóa) và cải tạo chỉnh trang các không gian công cộng truyền thống (sân chùa, sân đình, không gian trống trong làng xã..)

9.7. Kế hoạch quản lý và giám sát môi trường:

Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường: Hệ thống các điểm quan trắc chất lượng môi trường trong đô thị cần được xây dựng và đảm bảo hoạt động định kỳ. Quan trắc tại các điểm nước thải ra nguồn tiếp nhận. Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn, khí độc (SO₂, NO₂, CO), hàm lượng kim loại nặng tại cụm công nghiệp, đường giao thông chính; khu dân cư có nguy cơ bị ảnh hưởng. Giám sát hệ sinh thái: ghi nhận bằng phim ảnh sự thay đổi cảnh quan và động thực vật.

10. Những hạng mục ưu tiên đầu tư:

Để có thể tạo động lực phát triển và định hình các không gian chính đô thị phố Đầm, cần tập trung thực hiện đầu tư các hạng mục ưu tiên sau:

- Hoàn thiện hệ thống giao thông chính để tiếp cận được một cách dễ dàng tới khu vực này và nhất là tiếp cận vào khu phố cổ.

- Đầu tư những tuyến đường giao thông đối ngoại chính; các tuyến đường khác theo quy hoạch đề xuất sẽ triển khai theo phân kỳ đầu tư.

- Triển khai quy hoạch chi tiết khu trung tâm và khu đô thị mới tiếp giáp.

- Đầu tư các công trình công cộng theo quy hoạch, đảm bảo thiết chế của đô thị Phố Đầm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành, các đơn vị liên quan tổ chức công bố hoạch chung xây dựng đô thị phố Đầm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 để các tổ chức và nhân dân biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện;

- Tổ chức quản lý, thực hiện theo quy hoạch và các quy định của pháp luật hiện hành; ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cho theo quy hoạch được duyệt;

- Lập Chương trình phát triển đô thị và Kế hoạch thực hiện; phối hợp với các Sở, Ban, Ngành chức năng huy động các nguồn vốn đầu tư để xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan: Chịu trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H5.(2017)QDPD QHC DT Pho Dam Tho Xuan.doc

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng